TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tiền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kim Diễn
Bà Ngô Thị Oanh Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chế Linh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Kim Thị Minh T, sinh ngày 20/5/1988; Địa chỉ: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Kim L, sinh ngày 01/01/1985; Địa chỉ: ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Kim Thị Minh T trình bày: Vào năm 2011 chị với anh Kim L do mai mối rồi quen biết, yêu thương nhau, qua một thời gian tìm hiểu nên chị với anh Kim L tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và được sự đồng ý của 02 bên gia đình bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của người Việt Nam, vào năm 2011 có đăng ký hôn tại xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh

và có với nhau 01 người con chung tên Kim Hải Đ, sinh ngày 12/7/2013. Sau đó đến năm 2018, vợ chồng mâu thuẫn thường xuyên cải nhau, do bất đồng về lối sống và tính tình hai người không hợp nhau chúng tôi đã ly hôn theo quyết định của Tòa án. Sau một thời gian ly hôn, vào năm 2023 vì con chị với anh Kim L dự định sống lại với nhau nên chị với anh L đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 27/7/2023 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 55/2023). Sau khi kết hôn cả hai đi làm ở Trà Vinh nhưng mỗi người vẫn ở một nơi khác nhau không có ở chung nên không có thêm con chung, không có tài sản chung và nợ chung trong thời gian này. Sau đó, vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn thường xuyên cải nhau, do bất đồng về lối sống và tính tình hai người không hợp nhau, không thể tiếp tục hàn gắn. Do đó, chị yêu cầu ly hôn với anh Kim L. Về con chung: Chị với anh Kim L có 01 người con chung tên Kim Hải Đ, sinh ngày 12/7/2013, chị yêu cầu giải quyết lại được nuôi dưỡng con chung và chị không yêu cầu anh Kim L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý Kiến của cháu Kim Hải Đ: Cha tên Kim L và mẹ tên Kim Thị Minh T. Cha, mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ vì từ nhỏ đến nay sống với mẹ chăm sóc tốt hơn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Kim Thị Minh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và anh Kim L vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Chị T với anh L trước đây có kết hôn và đã được giải quyết ly hôn theo quyết định của Tòa án, sau một thời gian ly hôn chị T, anh L có ý định đoàn tụ đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, chị T với anh L không hàn gắn được tình cảm vẫn tiếp tục mâu thuẫn nên từ khi đăng ký kết hôn đến nay không sống chung với nhau. Sau khi thụ lý giải quyết Tòa án đã triệu tập anh L đến hòa giải động viên nhưng anh L vẫn không đến thể hiện ý chí muốn hàn gắn tình cảm. Về con chung tên Kim Hải Đ, sinh ngày 12/7/2013 trước đây Tòa án đã giải quyết giao cho chị T nuôi dưỡng và anh L cấp dưỡng nuôi con chung nhưng trong vụ án này chị T vẫn tiếp tục yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên yêu cầu chị T là có cơ sở để chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung không có. Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm

2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T yêu cầu ly hôn với anh L; Về con chung tên Kim Hải Đ, sinh ngày 12/7/2013 giao cho chị T nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ được sống chung với mẹ) và anh L không cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chị Kim Thị Minh T yêu cầu được ly hôn với anh Kim L và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Kim L có nơi cư trú trên trên địa bàn huyện T. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Chị Kim Thị Minh T vắng mặt tại phiên tòa và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Kim L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị T và anh L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011, sau đó do mâu thuẫn vợ chồng nên anh, chị đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Đến ngày 27/7/2023 chị T với anh L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (theo giấy chứng nhận kết hôn số 55/2023), hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân có đủ các điều kiện do Luật hôn nhân và gia đình quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn chị T và anh L tiếp tục xảy ra mâu thuẫn không hàn gắn được tình cảm, nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên đã không sống chung từ khi đăng ký kết hôn đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị T xác định vợ chồng chị vì con nên muốn hàn gắn tình cảm nhưng không thể hàn gắn được, hiện nay giữa chị T với anh L không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu ly hôn, còn anh L biết chị T yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án để giải quyết cũng như thể hiện ý chí không mong muốn hàn gắn tình cảm, níu giữ cuộc hôn nhân. Qua xác minh người thân trong gia đình của anh L có biết trước đây vợ chồng anh L đã ly hôn, kết hôn lại thì không biết và vợ chồng anh L không có sống chung (bút lục 36-38). Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh L đã trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị T được ly hôn anh L.

[3] Về con chung: Chị T và anh L có 01 người con chung Kim Hải Đ, sinh ngày 12/7/2013 hiện đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ năm 2011 cho đến nay. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh giải quyết giao con chung Kim Hải Đ cho chị T nuôi dưỡng và anh L cấp dưỡng nuôi con chung 650.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nhưng chị T có yêu cầu giải quyết lại cho chị T được nuôi dưỡng con chung Kim Hải Đ và chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Kim Hải Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với ý chí mong muốn của con chung, có cơ sở cho sự phát triển của con chung và cho con chung có cuộc sống ổn định. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* nguyên đơn chị Kim Thị Minh T phải chịu theo quy định.

[6] Từ các nhận định và phân tích trên, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kim Thị Minh T; Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kim Thị Minh T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Kim Thị Minh T được ly hôn với anh Kim L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Kim Hải Đ, sinh ngày 12/7/2013 cho chị Kim Thị Minh T nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu Kim Hải Đ được sống chung với mẹ) và anh Kim L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của bên không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Kim Thị Minh T xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* nguyên đơn chị Kim Thị Minh T phải chịu nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003624 ngày 27/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Chị Kim Thị Minh T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn, báo cho các đương sự biết nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Ngãi Xuyên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mộng Tiền